

- |            |            |
|------------|------------|
| 39. Bở y   | 44. Pupiéo |
| 40. Ngái   | 45. O Đu   |
| 41. Cơ Lao | 46. B'Râu  |
| 42. Cống   | 47. R'năm  |
| 43. Xi La  |            |

T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
**TỔ HỮU**

**NGHỊ ĐỊNH số 165 - HĐBT ngày 23-9-1982 ban hành biểu lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng.**

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề động viên, khuyến khích các đơn vị kinh tế và nhân dân gửi các khoản vốn tiền tệ nhàn rỗi vào Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng;

Đề thúc đẩy việc tăng cường quản lý và sử dụng vốn theo nguyên tắc hạch toán kinh tế;

Căn cứ đề nghị của tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước và bộ trưởng Bộ Tài chính,

### NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành kèm theo nghị định này biểu lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng.

Biểu lãi suất này thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1982, thay thế biểu lãi suất đã ban hành trước đây.

Các khoản cho vay từ các năm trước, tháng trước chuyển sang, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1982, cũng tính lãi theo biểu lãi suất này.

Điều 2. — Thương tiền bằng 100% (một trăm phần trăm) số dư tiền gửi tiết kiệm đến ngày 31 tháng 5 năm 1981.

Tiền thưởng này sau 5 năm mới lĩnh ra và được hưởng lãi suất theo thẻ thức tiền gửi tiết kiệm dài hạn 5 năm. Nếu cần chi tiêu, người gửi được rút số tiền lãi được hưởng.

Hàng năm, với sự thỏa thuận của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước được giữ lại một phần trong số lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước để làm vốn trả lãi và thanh toán tiền thưởng cho người gửi tiền tiết kiệm.

Điều 3. — Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này và căn cứ biểu lãi suất kèm theo nghị định này để quy định mức lãi suất cụ thể đối với từng ngành, từng đối tượng.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
**TỔ HỮU**

**BIỂU lãi suất tiền gửi và cho vay (ban hành theo nghị định số 165-HĐBT ngày 23-9-1982 của Hội đồng bộ trưởng).**

#### I. LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG

Lãi suất  
hàng năm  
%

##### 1. Lãi suất trả tiền gửi:

— Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh

1,8 — 3

09663648

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



- Đối với các tổ chức kinh tế tập thể 3—5
- Đối với tiền gửi của tư nhân 6—9

- 2. Lãi suất cho vay 9—36
- 3. Lãi suất nợ quá hạn Bảng từ 200% đến 300% lãi suất bình thường.

## 2. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm xã hội chủ nghĩa:

- Loại không kỳ hạn 12 (kể cả lãi và thưởng)
- Loại kỳ hạn 3 năm 18
- Loại kỳ hạn 5 năm 24

## 3. Lãi suất cho vay vốn lưu động:

- Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh 5—9
- Đối với các tổ chức kinh tế tập thể 6—12
- Đối với xã viên hợp tác xã và công nhân, viên chức vay để phát triển kinh tế gia đình 9—12
- Đối với người lao động cá thể vay để sản xuất 12—18
- Đối với các đối tượng khác 24—36
- Cho vay để tiêu dùng 12—18

## 4. Lãi suất cho vay vốn cố định:

- Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh 3,6—6
- Đối với các tổ chức kinh tế tập thể 4,2—9

## 5. Lãi suất nợ quá hạn:

Bảng từ 200% đến 300% lãi suất bình thường

## II. LÃI SUẤT CỦA HỢP TÁC XÃ TÍN DỤNG

- 1. Lãi suất tiền gửi của các đoàn thể xã hội và tổ chức kinh tế tập thể 3—9

**QUYẾT ĐỊNH số 172-HDBT ngày 9-10-1982 về tiền tệ, tín dụng, thanh toán trong thời gian trước mắt.**

Nhằm sử dụng tiền tệ, tín dụng, ngân hàng như những công cụ có hiệu lực để cải tạo và phát triển kinh tế, tăng cường quản lý kinh tế — tài chính, Hội đồng bộ trưởng quyết định:

1. Mọi hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán của Ngân hàng Nhà nước phải hướng vào việc phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa, đẩy mạnh cải tạo xã hội, chủ nghĩa và góp phần xây dựng, hoàn chỉnh cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thông qua các hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngân hàng phải phát huy vai trò kiểm tra, giám đốc các hoạt động kinh tế, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn, mở rộng lưu thông tiền tệ có tổ chức, đầy lùi và xóa bỏ tệ cho vay lãi nặng; thực hiện vai trò trung tâm tiền mặt, trung tâm tín dụng và trung tâm thanh toán trong nền kinh tế quốc dân.

2. Cùng với việc tận dụng vốn tự có của các xí nghiệp và tổ chức kinh tế, Nhà nước dùng nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch Nhà nước bằng phương thức cấp phát và tín dụng. Các cơ quan tài chính có trách nhiệm cân đối số vốn đầu tư, kịp thời chuyển đủ số vốn đầu tư sang ngân hàng theo kế hoạch; Ngân hàng cấp phát